KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	12,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.3%	2.4%	-3.0%

DT thuần

2024

158 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 32.0
▲ 25.3%

LN gộp

2024

11.6 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 4.54
▲ 64.9%

LN thuần

2024

6.07 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 2.50
▲ 70.1%

LN sau thuế

2024

5.32 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 2.85
▼ 34.9%

ROE

2024

3.6%

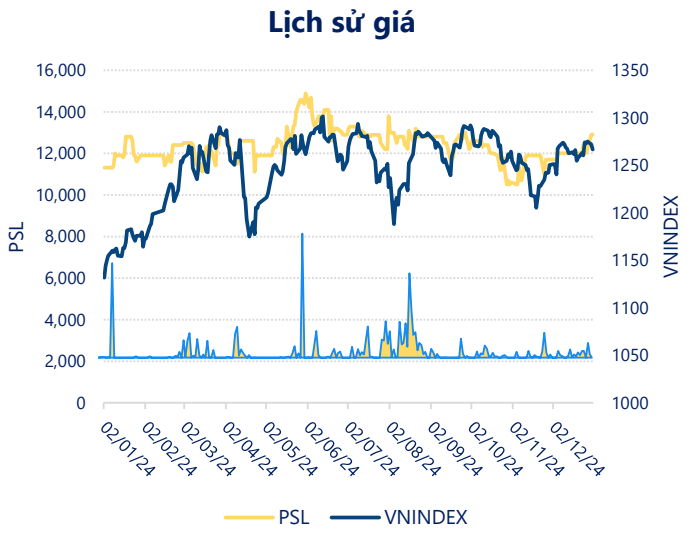
+/- YoY
▼ 1.9%

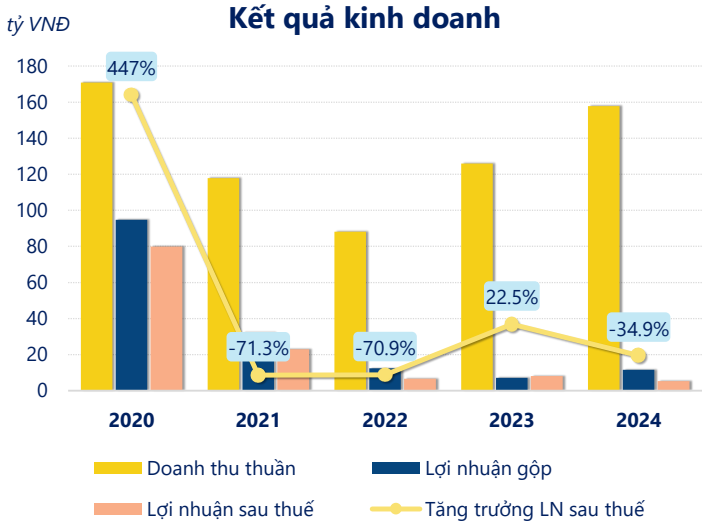
ROA

2024

3.1%

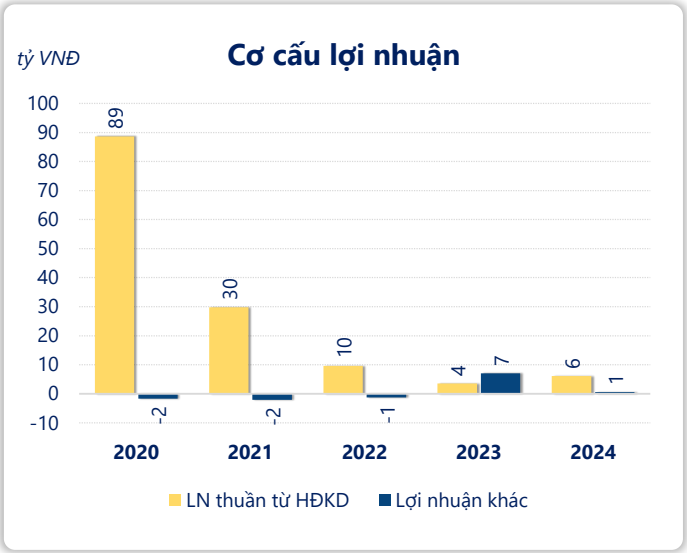
+/- YoY
▼ 1.6%

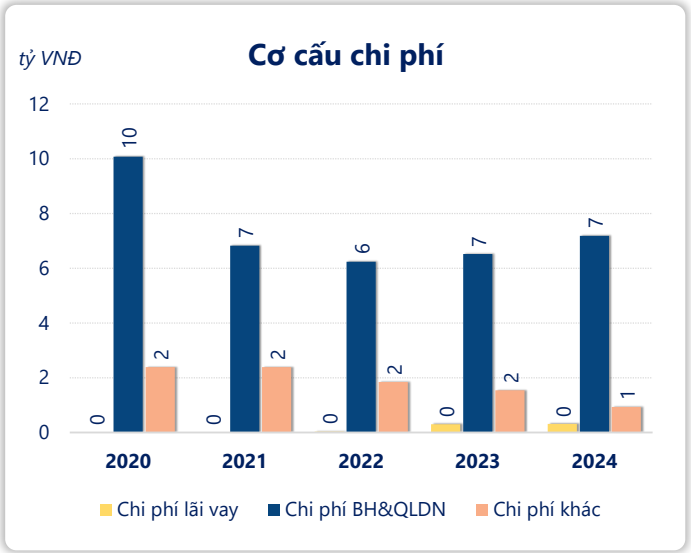




Năm **2024**, **PSL** ghi nhận doanh thu thuần **157.8** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **5.32** tỷ đồng, lần lượt **tăng 25.3%** và **giảm 34.9%** so với năm trước.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **3.56%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

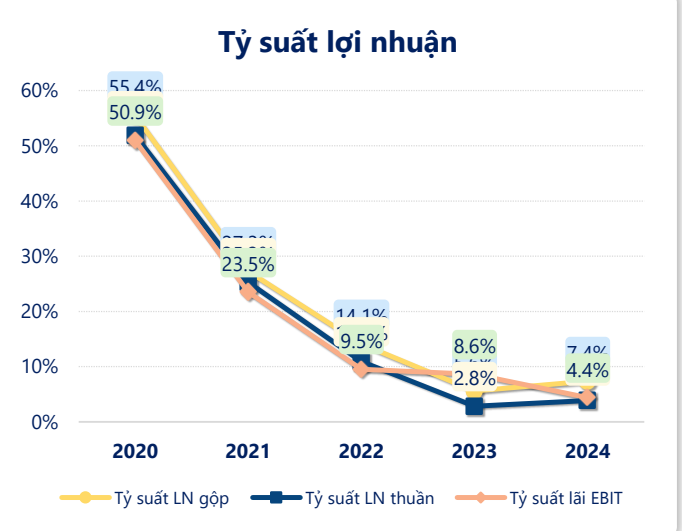


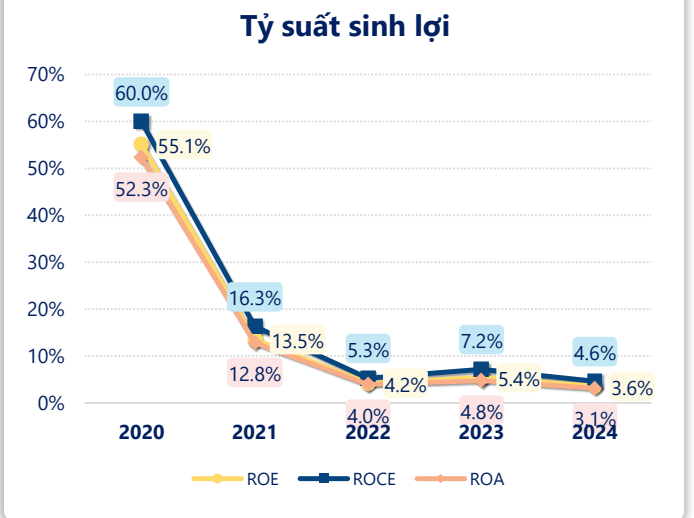


Năm **2024**, **PSL** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **6.07** tỷ đồng, **tăng lên 2.50** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (27.53 tỷ đồng) là 21.46 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

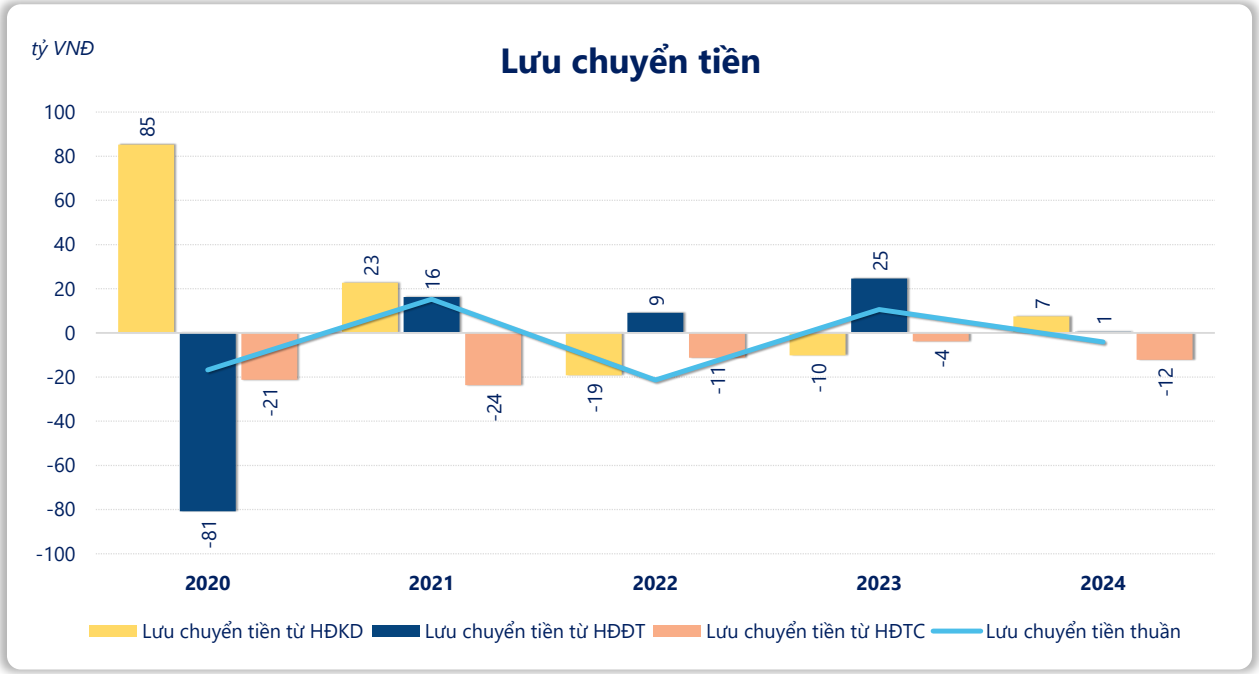
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **0.31** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **7.18** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.93** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của PSL năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **3.56%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**171**	**118**	**88.1**	**126**	**158**
Giá vốn hàng bán	76.1	85.8	75.6	119	146
Lợi nhuận gộp	**94.7**	**32.1**	**12.4**	**7.06**	**11.6**
Doanh thu HĐTC	3.99	4.47	3.47	3.33	1.92
Chi phí TC	0	0	0.03	0.30	0.31
Chi phí lãi vay	**0**	**0**	**0.03**	**0.30**	**0.31**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.01	0.04	0.06	0.03	0.06
Chi phí QLDN	10.1	6.78	6.17	6.48	7.13
LN thuần từ HĐKD	**88.6**	**29.8**	**9.63**	**3.57**	**6.07**
Lợi nhuận khác	-1.63	-2.11	-1.26	7.00	0.53
LN trước thuế	**86.9**	**27.7**	**8.37**	**10.6**	**6.60**
Lợi nhuận sau thuế	**79.8**	**22.9**	**6.67**	**8.17**	**5.32**
LNST của CĐ cty mẹ	**79.8**	**22.9**	**6.67**	**8.17**	**5.32**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của PSL bằng **-4.16** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (10.63 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **7.47** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **0.52** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-12.14** tỷ đồng.